

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 10

Tập 10 này giải thích hai Bộ gồm sáu quyển sau:

- Tục Âm Hộ Pháp Sa Môn Pháp Biệt truyện - 3 quyển
- Tục Khai Nguyên Thích giáo Lục - 3 quyển

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN QUYỂN 1

- Cáo Thệ: ước thệ rằng - Trình lời thề
 - Điển Mô: điển là pháp thường, mô là đã lưu định sẵn
 - Ban Bư: họ người - Khẳng khái - Tính mạnh mẽ ngay thẳng
 - Khâm phủ: lòng dạ, ôm ấp?
 - Hung ức: lòng dạ, bụng dạ? Tương thí - sắp bắn cung
 - Toãn Long Thọ: Biên tập sách vở của Long Thọ
 - Tông Thượng Nhân: là Ngạn Tông Pháp Sư đời Đường
 - Quân chích: nhật lấy - Địch Đạo là tên Lũng Tông?
 - Tỷ ngụ: dời đến ở - Trừu tâm - là từ quan về nhà
 - Đạn Ngọc giảng: Đạn là hết - Hết Ngọc giảng?
 - Ẩn Độn: Trốn kín - Khanh Hoàng - tiếng lang keng, tiếng chuông
- trống
- Đồi Nữ: Đồi là sụp đổ, Mữ là cái quai, cột buộc
 - Thảo Uẩn: là giấu kín - Hoàn Lập - trở về đến - xem trả lại, áo
- tối
- Châm qui: Châm là lời châm, khuyên răn - qui là khuôn phép
 - Xuẩn xuẩn: con sâu ngó ngoáy, cục cựa - ngu xuẩn
 - Cỗn Long: Áo lễ của Vua (áo Cỗn)
 - Ngốc Đỉnh: người hời (sói) không có tóc
 - Tam Nguyên: là Thiên Địa Nhân (Trời Đất Người)
 - Ngũ Vận: Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ, ngũ hành
 - Huân Hoa: là râu, Vua Nghiêu Vua Thuấn

- Tiếp Chủng: nối gót, tiếp bước - Sĩ Vận thời- Vận bị cách chức
- Hí Đàm: Bàn chơi - Tiến Lôi - bị sét đánh 2, 3 lần
- Trập Hộ: loài sâu núp dưới cửa (nhà có sâu núp?)
- Phấn muộn: tức giận buồn bã - Nịch yên - đói cồn cào, lo nghĩ
- Thảm Tục: luôn nhiều thảm thiết, luôn sống nhờ bụi lấp
- Nguyên liệu: đốt cháy - phong toại - đốt lửa báo hiệu
- Vũ Hích: là gấp rút, cần kíp
- Điều Đầu: như cái nồi sắt, ban ngày để nấu cơm, ban đêm để đánh kiếng
- Hạo thiên: Trời xanh, Trời cao
- Tự Duyệt: đều vui - Tường Tự - Trường học trong lành
- Vô Lô: Không lỗi - Tích Dũng - nhậy nhót, khéo cả hai chân
- Thái Tể Phi: Thái Tể tên Phi?
- Báng Độc: lời chê bai phỉ báng ác độc
- Thái Hải: rất sợ - Hách Tư - là hiệu của Vua xưa
- Mật Tán: ngầm khen - Xuyên Đạc - đục xuyên qua
- Luân Bể: luân là Đạo Lý - Bể là sánh ngang
- Giải hoạt: kẻ lừa dối quỷ quyệt, U Cũ, tên một nước xưa
- Lãm Khãm: uất ức, bất đắc chí
- Thấu Lý: nghi lễ là thấu, bì phu là lý. Chỗ da ngoài da trong giáp nhau gọi là thấu lý.
- Tấn Thân: cấm cái hốt vào đai (tức con cháu nhà quan thì gọi là tấn thân)
- Chí Tập: Tập là chấp nối biên tập. Chí tập là nối chí?
- Cấp quận: nay là Vệ Châu - khuych phiên - vắng teo không người
- Tù Hoa: Hoa sắp hết - Hoa hợp, hoa bền chắc?
- Úc úc: rục rỡ, ngào ngạt - Tủng tiệp - sợ hãi
- Thám Trách: nghiên cứu lý sâu xa
- Thuyên Đề: Thuyên là cái nôm bắt cá, đề là cáo bẫy bắt thỏ. (được cá quên nôm, được thỏ quên dẫy)
- Bì lụy: cái bia và lời viếng người chết
- Tân tử: họ Tân Tử - Điện Dung - Vẻ thẹn thùng
- Tước hỏa: lửa đuốc - Hoàn Trung - trong Hoàn Vũ, cõi đời này
- Xích Yến: Chim nhỏ - Đại Bàng - Chim đại bàng
- Vương mật: tên người. Lưu Cầu. Tên ngọc quý, họ người
- Lệ Duyên: Đá mài và thiếc

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN QUYỂN 2

- Di Huấn: lời dạy để lại làm gương cho con cháu
- Lưu Độn: Trốn uất - Bồn Hệ - mối, gốc nối liền
- Sa thải: bỏ bớt, như đãi vàng trong cát
- Suy hặc: suy ra tội người khác
- Uy tuất: cái dây đen trói tội nhân, Kẻ bị tù tội
- Đào muội: ngu tối - Tháo sứ - Than vợ lẽ?
- Bô Tao: Bô là ăn trể, tao là căn rượu (uống rượu căn?)
- Xuất ly: uống rượu nhạc - Thanh Hoa - Hoa xanh, Hoa tươi?
- Đậu lưu: Tạm dừng lại không tiếng lên
- Mối Huyền: Kẻ môi giới tự khoe - quất Dữu - cây quít cây bưởi
- Tra lê: cây Tra cây Lê - Kiểu nhiên - sáng tỏ
- Phụ ỷ: cái cửa chắn gió giống cái lưới búa
- Phù Đào: họ của người - Ngạc ngọc - lời nói ngay thẳng
- Thác Bạt: họ Thác Bạt - Lưu Hương - tên người
- Khảm trạch: tên họ người - Thái Vi - tên ngôi sao
- Huê Trạch: Đá mai vàng - Khắc đá - Hồ Đa - tên họ người
- Quýnh viễn: xa xôi - hòa, nhiều

LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN QUYỂN 3

- Ung Ung: Kiểu Diệu - Đạo Đức Kinh nói thường không dục để quán Diệu, thường có Dục để quán Kiểu (Kiểu đi tuần dò xét - ngoài biên)
- Lý Đàm: tên học của Lão Tử
- Đẳng Sái: Đẳng là rửa sạch - Đẳng Sái là sạch hết các bệnh lao sái
- Tịch vẫn: rụng xuất vào buổi chiều
- Lân quân: con lân quân, loài thú có sừng
- Thiện Lợi: năm Thiện Lợi đời Chu Võ Đế có diệt Phật pháp?
- Đào giảo: tay lấy và khấy quậy
- Giác thí: Thi hơn khú - Kiệt Trụ - Vua Kiệt và Vua Trụ, hai vua tàn ác nhất

- Đằng Lương: ngựa nhảy vọt cao
- Đôn Hoàng: tên đất tức Sa Châu
- Lung Ba: bình gù và què - Cao Dao tên một người hiền thời Vua Thuấn
- Bát Diên: tên đất nơi xa xôi- San nhiều- khóc lóc, Sa nước mắt
- Ốc trẩm: tươi tẩm cho tốt - Trẩm là tiếng vua xưng ta. Ốc trẩm là làm ta tốt lên
- Thục thắc: Thục là Thiện - Thắc là dùng tâm sai lầm
- Chàng Kịch: gỗ, đập ngói - Đổ Hành - một loài cỏ thơm
- Phiền Bá: một loại cây cỏ, cây thuốc, giống cây thuốc cứu
- Yểm yểm: yên tịnh - mô mẫu - tên một người con gái xấu đời xưa
- Ninh quyết: chim Ninh quyết
- Mịch la: sông Mịch la ở quận Trường Sa
- Bệ Lê: tên cây quả dùng làm phấn - Lan Ba - tên cây Lan Ba

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC QUYỂN 1

- Toản Tổ Tông: nối theo Tổ Tông - Nạp Lộc - Nạp vào Đại Lộc
- Bảo Ly: giữ gìn sửa sang
- Thuần Nguyên: nguồn suối trong, trong sạch
- Hoảng biến: chết, yếu mạp - xa xôi mịt mờ
- Châu Đàng: ngọc châu đeo tai - tiếng ngọc kêu leng keng
- Kinh Vị: Sông kinh đục, Sông vị trong - Kinh Vị là phân biệt đục trong
- Ly Châu: hòn ngọc dưới cổ con Ly Long.
- Yên môn: đá đẹp ở đất Yên
- Triệu Bích: ngọc Bích của Nước Triệu
- Túng Trạo: buông chèo
- Tứ mã: ngựa tứ, xe bốn ngựa
- Cuồng cổ: cuồng là điên, cổ là mù
- Thi qui: là bói cỏ thi, bói võ Rùa
- Đại Hộ: là tên trò vui (nhạc) của Ân Thang?
- Nê Hoàn: tiếng Phạm hoặc gọi Bát Nê Hoàn, Ni Việt, Bác Niết Bàn hoặc Niết Bàn dịch là viên tịch (mất - chết)

- Biên Chích: nhật lấy bìa sách
- Đạo cán: cây lúa - Ma Ha Chi Na - nước Trung Quốc (Đại Đường, Đại Hán...)
- Những ngu lê: tiếng Phạm, dịch là Dực Vương, Dực Quân
- Bân bân: hoàn hảo - Kỳ Lan Đà - tên chùa ở Tây Vực (cho không chán)
- Phích lịch: sét đánh - Yểm Hưng - Yểm là che, áo kếp (?) Yểm Hưng - (che hứng thú - không hứng Thịnh ?)
- Áo nộ: nổi giận
- Qui Tư: tên nước qui Tư hoặc gọi Khuất Chi, Nguyệt Chi
- Vật Đề Đề Tê Ngư: là tên của một Tam Tạng dịch là Liên Hoa Tinh Tấn
- Ngưu Hân: tên họ người - Sở Tề - đem cho, tiễn đưa, hành trang
- Tóc tuy: tên họ người
- Nhược Linh: còn nhỏ, chưa đội mũ, chưa đến tuổi trưởng thành (20 tuổi)
- Giao yết: keo dán, gắn vào nhau, dán dính?
- Sam Di: cắt hết cỏ

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC QUYỂN 2

- Mổ Đà La Ni: tức tên gọi Đà La Ni của Phật Bà quán Tự Tại Bồ Tát
 - Thâu Ba Ca La: tức tên tiếng Phạm của Ngài Tam Tạng Đường Khai Nguyên?
 - Tuẩn Pháp: liều mình chết vì Pháp
 - Lũ phẩn: luôn hằng hái, phẩn chấn
 - Diệu Khuất Nguyên: thương tiếc Khuất Nguyên
 - Phủ ứng: vỗ ngực, vỗ bụng - quân thập - nhật lấy
 - Tân Nhai: bến bờ - phân luân - rối rắm, lẫn lộn
 - Phiền thưng: nhiều nhối, dư thừa
 - Huyền Uẩn: tên Huyền Uẩn Pháp Sư
-

TỤC KHAI NGUYÊN THÍCH GIÁO LỤC QUYỂN 3

- Phi mậu: lầm lẫn - Những tạp - lộn xộn, rắc rối, phiền phức
- Gửi thuyết: thuyết đối trá, lạ lùng (gửi quyết)
- Tỏa tiết: mặt vụn, lẫn lộn
- Nguyên phái: nguồn chính - suối nguồn
- Thừa Thiêu (diêu): nối tiếp đã xa, lâu đời
- Bao biếm: bao là khen tốt, biếm là chê đầy làm nhục tức khen chê.
- Âu uyết: tiếng nôm ọc - Tạp Nhữ - lẫn lộn
- Thâm trình: lọt hãm sâu (hãm bẫy thú)
- Hoạch lạc: rộng khắp không bờ bến
- Tỳ Na Dạ Ca: tiếng Phạm hoặc gọi Tần Na Dạ Ca, Tỳ Na Dạ

Đát Ca, Duệ Na phả Ca, dịch là chương Ngại Thần gọi là Tượng
Đầu người có thể làm các chương ngại.

Giải thích của Bộ sách này rất kém chỉ làm rối ren thêm!



